

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 30/08/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK1.005**TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Việc nào sau đây là phép đo trực tiếp?

- A. Tính diện tích tấm bìa từ chiều dài và chiều rộng đã đo.
- B. Đọc khối lượng vật trên cân điện tử.
- C. Tính điện trở từ số chỉ vôn kế và ampe kế.
- D. Tính khối lượng riêng từ khối lượng và thể tích đã đo.

Câu 2. Để đo thời gian một vật trượt hết mặt phẳng nghiêng, người ta dùng phương pháp nào?

- A. Phương pháp thực nghiệm
- B. Phương pháp mô hình
- C. Không cần phương pháp nào, chỉ cần suy đoán
- D. Phương pháp thống kê xã hội học

Câu 3. Trường hợp nào sau đây vật không được coi là chất điểm?

- A. Xét chuyển động của một con tàu vũ trụ bay tới Sao Hoả.
- B. Xét chuyển động của cánh quạt đang quay.
- C. Xét chuyển động của viên đạn bay trên quãng đường một kilômét.
- D. Xét chuyển động của một ô tô chạy từ Hà Nội vào Huế.

Câu 4. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối (0 s; 0 m) với (5 s; 39 m), đoạn thứ hai nối (5 s; 39 m) với (15 s; 39 m). Vận tốc trung bình của vật trong cả 15 s bằng

- A. 2,6 m/s
- B. 7,8 m/s
- C. 3,9 m/s
- D. 39 m/s

Câu 5. Một sà lan chạy với vận tốc 15 km/h so với dòng nước. Nước chảy với vận tốc 5 km/h so với bờ. Khi xuôi dòng, vận tốc của sà lan so với bờ bằng

- A. 10 km/h
- B. 15 km/h
- C. 20 km/h
- D. 75 km/h

Câu 6. Thiết bị nào sau đây hoạt động dựa trên sự phản xạ của sóng âm ở mặt phân cách?

- A. Lò phản ứng hạt nhân
- B. Máy biến áp
- C. Kính hiển vi quang học
- D. Máy siêu âm

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Độ dịch chuyển luôn lớn hơn hoặc bằng quãng đường.
- B. Quãng đường có thể âm khi vật đi ngược chiều dương.
- C. Độ dịch chuyển là đại lượng vectơ, quãng đường là đại lượng vô hướng.
- D. Quãng đường và độ dịch chuyển luôn có cùng độ lớn.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng về chữ số có nghĩa?

- A. Số chữ số có nghĩa bằng số chữ số ở phần thập phân.
- B. Mọi chữ số không xuất hiện trong một số đều không có nghĩa.
- C. Các số không đứng trước chữ số khác không đầu tiên thì không phải chữ số có nghĩa.
- D. Viết thêm số không vào cuối phần thập phân không làm đổi số chữ số có nghĩa.

Câu 9. Một chiếc xe đạp có vận tốc 7,6 m/s so với mặt đường. Một ô tô chạy cùng chiều dương với vận tốc 13 m/s. Vận tốc của một chiếc xe đạp so với ô tô bằng

- A. 20,6 m/s
- B. -5,4 m/s
- C. 13 m/s
- D. 7,6 m/s

Câu 10. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$, a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	0,26 0,28 0,28
Chuẩn chiều dài L_S : r_S	40,24 40,26 40,28
Chi tiết cần kiểm: r_X	32,26 32,26 32,3

Chuẩn chiều dài có $L_S = 40$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,02$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến 0,01 mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[31,9; 32]$ mm. Báo cáo nào đúng?

- A. $L_X \in [32,01; 32,02]$ mm — **không đạt** dung sai
- B. $L_X \in [32,01; 32,12]$ mm — **không đạt** dung sai
- C. $L_X \in [31,96; 32,07]$ mm — **đạt** dung sai
- D. $L_X \in [31,96; 32,07]$ mm — **không đạt** dung sai